

Số: 13 / BC-QLCL

*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT (online)**  
**Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên**  
**Học kỳ 2, năm học 2025 – 2026**

Căn cứ các hoạt động BDCLGD của Trường Đại học Tây Nguyên năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-ĐHTN, ngày 05/01/2026 của Trường về việc Sinh viên xem kết quả thi, Thời khóa biểu và tích hợp thực hiện khảo sát online trên Website Trường;

Căn cứ Kế hoạch Khảo sát số 07/KH-QLCL ngày 16/6/2026 của Phòng Quản lý chất lượng về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên HK 2, năm học 2025 - 2026 đã được duyệt; Phòng QLCL báo cáo kết quả Khảo sát như sau:

**1. Mục đích**

- Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên, hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy. Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy. Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.
- Có số liệu, minh chứng phục vụ công tác BDCLGD, tự đánh giá và đánh giá ngoài.
- Góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

**2. Yêu cầu**

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc.
- Người học hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát do Trường thiết kế.
- Thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

**3. Thời gian thực hiện**

Từ ngày 16 / 6 – 07 / 7 / 2026.

**4. Đối tượng, phạm vi thực hiện**

- Sinh viên (SV) các lớp đại học hệ chính quy các ngành, các khóa của các Khoa.
- Giảng viên (GV) giảng dạy các học phần của các ngành, các Khoa trong Trường.

## 5. Nội dung khảo sát

- Bộ câu hỏi được sử dụng để khảo sát gồm 12 câu với 3 nội dung chính là: **1-Nội dung học phần; 2-Hoạt động giảng dạy; 3-Hoạt động kiểm tra, đánh giá.**

- Sự hài lòng của SV tham gia khảo sát thể hiện ở 5 mức độ theo thang đo Likert: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**

- SV có thể nhận xét, góp ý, đề xuất thêm nội dung vào mục **Ý kiến khác.**

## 6. Phương pháp thực hiện

- **Quy trình thực hiện khảo sát: gồm 5 bước chính như sau:**

1-Xây dựng Kế hoạch Khảo sát, trình Lãnh đạo Trường phê duyệt.

2- Triển khai việc thực hiện khảo sát các bên liên quan, thu thập dữ liệu/số liệu khảo sát.

3-Xử lý Dữ liệu/số liệu đã khảo sát.

4-Phân tích, tổng hợp và viết báo cáo kết quả khảo sát.

5-Công khai báo cáo kết quả khảo sát tới các bên liên quan theo Quy định.

- **Sử dụng link khảo sát trên Website của Trường** do Trung tâm CNTT và Thư viện thiết kế; gửi Thông báo Khảo sát và link khảo sát tới các lớp thông qua sự phối hợp với các Khoa, Cố vấn học tập và Lớp Trưởng các lớp triển khai thực hiện khảo sát.

- Mẫu khảo sát: Sinh viên các ngành, các lớp, các khóa, các Khoa vào xem kết quả thi, xem thời khóa biểu và tự chọn các học phần đã học của các GV để đánh giá.

- **Link khảo sát:** <https://www.ttn.edu.vn/sv/khaosat>

- Xử lý dữ liệu, số liệu kết quả khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2016.

- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm hài lòng trung bình (TB) của từng câu hỏi.

- **Điểm số mức độ hài lòng được tính quy đổi** =  $(GTLN - GTNN)/5 = (5 - 1)/5 = 0.8$

+ Từ 1.0 – 1.8: Rất không hài lòng

+ Từ 1.9 – 2.6: Không hài lòng

+ Từ 2.7 – 3.4: Bình thường

+ Từ 3.5 – 4.2: Hài lòng

+ Từ 4.3 – 5.0: Rất hài lòng

- **Tỷ lệ hài lòng** là TB tổng số ý kiến của “Rất hài lòng” và “Hài lòng”.

## 7. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát thu thập lấy ý kiến được **7452** mẫu SV, 260 lớp, 726 lượt GV, 869 học phần về hoạt động giảng dạy của GV các ngành, các khóa, các Khoa trong Trường. Cụ thể như sau:

| STT         | Khoa              | Số SV đã khảo sát | Tỷ lệ (%)    | Số lớp đã khảo sát | Số lượt GV được khảo sát / đánh giá | Số học phần được khảo sát / đánh giá |
|-------------|-------------------|-------------------|--------------|--------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| 1.          | Kinh tế           | 1794              | 24.1         | 59                 | 116                                 | 128                                  |
| 2.          | Y Dược            | 1434              | 19.2         | 47                 | 156                                 | 174                                  |
| 3.          | Sư phạm           | 1398              | 18.8         | 41                 | 108                                 | 133                                  |
| 4.          | Nông nghiệp       | 1224              | 16.4         | 49                 | 137                                 | 164                                  |
| 5.          | KHTN & CN         | 825               | 11.1         | 38                 | 116                                 | 168                                  |
| 6.          | Ngoại ngữ         | 657               | 8.8          | 18                 | 60                                  | 58                                   |
| 7.          | Lý luận Chính trị | 120               | 1.6          | 8                  | 33                                  | 44                                   |
| <b>TỔNG</b> |                   | <b>7452</b>       | <b>100.0</b> | <b>260</b>         | <b>726</b>                          | <b>869</b>                           |

Sinh viên đánh giá hoạt động giảng dạy của GV giảng dạy các Khoa như sau:

### 7.1. Khoa Y Dược

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 1.                | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                                           | 2.6                         | 16.3                  | 81.1               | 4.3                          |
| 2.                | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                                     | 2.5                         | 16.3                  | 81.2               | 4.3                          |
| 3.                | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                                        | 2.5                         | 16.2                  | 81.3               | 4.3                          |
| 4.                | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                                    | 2.5                         | 16.4                  | 81.1               | 4.3                          |
| 5.                | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.              | 2.4                         | 16.4                  | 81.2               | 4.3                          |
| 6.                | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                                         | 2.6                         | 16.5                  | 80.9               | 4.3                          |
| 7.                | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                                  | 2.3                         | 16.5                  | 81.2               | 4.3                          |
| 8.                | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                               | 2.4                         | 16.2                  | 81.4               | 4.3                          |
| 9.                | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                                  | 2.5                         | 16.3                  | 81.2               | 4.3                          |
| 10.               | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 2.7                         | 16.4                  | 80.9               | 4.3                          |
| 11.               | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 2.7                         | 16.3                  | 81.0               | 4.3                          |
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 2.5                         | 16.3                  | 81.2               | 4.3                          |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>2.5</b>                  | <b>16.4</b>           | <b>81.1</b>        | <b>4.3</b>                   |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 2.5%; Bình thường là 16.4%; Hài lòng là 81.1%. Điểm số hài lòng TB là 4.3.

**\* Ý kiến khác:** Có 9.2% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- GV cần ra câu hỏi ôn tập, đề cương học phần đúng trọng tâm để SV ôn thi đạt kết quả tốt hơn.
- Một số học phần nên tổ chức thi trắc nghiệm.
- GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn, không nên quá khắt khe.
- Cần sửa chữa, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt trong các phòng học,... có chất lượng để phục vụ tốt hơn việc dạy và học.
- Cần nâng cấp Thư viện hiện đại có nhiều tài liệu phong phú để SV học tập, nghiên cứu.

## 7.2. Khoa Nông nghiệp

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                           | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| 1.  | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                              | 3.4                | 15.5            | 81.1         | 4.3                 |
| 2.  | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                        | 3.6                | 15.8            | 80.6         | 4.3                 |
| 3.  | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                           | 3.4                | 15.6            | 81.0         | 4.3                 |
| 4.  | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                       | 3.4                | 16.1            | 80.5         | 4.3                 |
| 5.  | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. | 3.4                | 16.2            | 80.4         | 4.3                 |
| 6.  | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                            | 3.5                | 16.0            | 80.5         | 4.3                 |
| 7.  | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                     | 3.4                | 15.8            | 80.8         | 4.3                 |
| 8.  | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                  | 3.6                | 15.8            | 80.6         | 4.3                 |
| 9.  | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                     | 3.2                | 15.6            | 81.2         | 4.3                 |
| 10. | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                              | 3.3                | 16.1            | 80.6         | 4.3                 |
| 11. | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                   | 3.6                | 15.9            | 80.5         | 4.3                 |

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 3.7                         | 15.9                  | 80.4               | 4.3                          |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>3.4</b>                  | <b>15.9</b>           | <b>80.7</b>        | <b>4.3</b>                   |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 3.4%; Bình thường là 15.9%; Hài lòng là 80.7%. Điểm số hài lòng TB là 4.3.

\* **Ý kiến khác:** Có 3.5% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- Một số học phần giảng viên cần chấm điểm nhanh hơn để SV biết kết quả sớm.
- Một số học phần chuyên ngành có thực hành, SV muốn được đi thực tế nhiều hơn.
- Cho SV trải nghiệm rèn nghề thực tế nhiều hơn; GV cần cập nhật các loại bệnh, các loại tài liệu học tập mới và thuốc mới để giảng dạy cho SV.

### 7.3. Khoa Kinh tế

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                           | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 1.  | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                              | 3.0                         | 17.3                  | 79.7               | 4.3                          |
| 2.  | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                        | 2.7                         | 17.8                  | 79.5               | 4.2                          |
| 3.  | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                           | 2.7                         | 17.5                  | 79.8               | 4.3                          |
| 4.  | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                       | 2.8                         | 18.0                  | 79.2               | 4.2                          |
| 5.  | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. | 2.8                         | 18.1                  | 79.1               | 4.2                          |
| 6.  | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                            | 2.8                         | 17.2                  | 80.0               | 4.3                          |
| 7.  | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                     | 2.7                         | 18.4                  | 78.9               | 4.2                          |
| 8.  | Cách ứng xử của giảng viên với người học                                                                                                                                                           | 2.8                         | 17.3                  | 79.9               | 4.3                          |

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
|                   | trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                                                                        |                             |                       |                    |                              |
| 9.                | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                                  | 2.8                         | 17.9                  | 79.3               | 4.2                          |
| 10.               | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 2.8                         | 17.5                  | 79.7               | 4.2                          |
| 11.               | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 3.2                         | 17.9                  | 78.9               | 4.2                          |
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 2.8                         | 17.7                  | 79.5               | 4.3                          |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>2.8</b>                  | <b>17.7</b>           | <b>79.5</b>        | <b>4.3</b>                   |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 2.8%; Bình thường là 17.7%; Hài lòng là 79.5%. Điểm số hài lòng TB là 4.3.

\* **Ý kiến khác:** Có 8.1% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn. Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.
- GV cần ra câu hỏi ôn tập, đề cương học phần đúng trọng tâm để SV ôn thi đạt kết quả tốt hơn.
- Một số học phần chuyên ngành có thực hành, SV muốn được đi trải nghiệm thực tế nhiều hơn.
- Cần sửa chữa, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt trong các phòng học,...có chất lượng để phục vụ tốt hơn việc dạy và học.

#### 7.4. Khoa Sư phạm

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                              | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 1.  | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá). | 2.5                         | 10.3                  | 87.2               | 4.3                          |
| 2.  | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                           | 2.6                         | 10.5                  | 86.9               | 4.3                          |
| 3.  | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                              | 2.3                         | 10.6                  | 87.1               | 4.3                          |

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 4.                | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                                    | 2.5                         | 10.5                  | 87.0               | 4.3                          |
| 5.                | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.              | 2.5                         | 10.7                  | 86.8               | 4.3                          |
| 6.                | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                                         | 2.5                         | 10.7                  | 86.8               | 4.3                          |
| 7.                | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                                  | 2.3                         | 10.4                  | 87.3               | 4.3                          |
| 8.                | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                               | 2.3                         | 10.3                  | 87.4               | 4.3                          |
| 9.                | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                                  | 2.4                         | 10.4                  | 87.2               | 4.3                          |
| 10.               | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 2.4                         | 10.6                  | 87.0               | 4.3                          |
| 11.               | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 2.6                         | 10.5                  | 86.9               | 4.3                          |
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 2.6                         | 10.0                  | 87.4               | 4.3                          |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>2.4</b>                  | <b>10.5</b>           | <b>87.1</b>        | <b>4.3</b>                   |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 2.4%; Bình thường là 10.5%; Hài lòng là 87.1%. Điểm số hài lòng TB là 4.3.

**\* Ý kiến khác:** Có 5.5% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn. Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.
- Cần sửa chữa, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt trong các phòng học,... có chất lượng để phục vụ tốt hơn việc dạy và học.
- Một số học phần chuyên ngành có thực hành, SV muốn được đi trải nghiệm thực tế nhiều hơn.

### 7.5. Khoa Lý luận Chính trị

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không<br>hài<br>lòng<br>(%) | Bình<br>thường<br>(%) | Hài<br>lòng<br>(%) | Điểm<br>số hài<br>lòng<br>TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------------|
| 1.                | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                                           | 1.4                         | 9.5                   | 89.1               | 4.4                          |
| 2.                | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                                     | 1.1                         | 9.8                   | 89.1               | 4.4                          |
| 3.                | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                                        | 1.6                         | 9.5                   | 88.9               | 4.4                          |
| 4.                | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                                    | 2.3                         | 8.6                   | 89.1               | 4.4                          |
| 5.                | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.              | 3.0                         | 8.4                   | 88.6               | 4.4                          |
| 6.                | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                                         | 2.7                         | 6.6                   | 90.7               | 4.4                          |
| 7.                | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                                  | 0.9                         | 10.9                  | 88.2               | 4.4                          |
| 8.                | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                               | 2.3                         | 9.3                   | 88.4               | 4.4                          |
| 9.                | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                                  | 2.0                         | 9.3                   | 88.7               | 4.4                          |
| 10.               | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 3.0                         | 8.0                   | 89.0               | 4.4                          |
| 11.               | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 1.4                         | 8.6                   | 90.0               | 4.4                          |
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 1.6                         | 8.6                   | 89.8               | 4.4                          |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>1.9</b>                  | <b>8.9</b>            | <b>89.2</b>        | <b>4.4</b>                   |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 1.9%; Bình thường là 8.9%; Hài lòng là 89.2%. Điểm số hài lòng TB là 4.4.

**\* Ý kiến khác:** Có 7.5% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- Một số GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn. Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.
- Một số học phần khó, GV nên giảng dạy kỹ hơn để cho SV nắm vững kiến thức.

## 7.6. Khoa Ngoại ngữ

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| 1.  | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                                           | 1.8                | 14.7            | 83.5         | 4.3                 |
| 2.  | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                                     | 1.7                | 14.6            | 83.7         | 4.3                 |
| 3.  | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                                        | 1.7                | 14.8            | 83.5         | 4.3                 |
| 4.  | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                                    | 1.8                | 14.9            | 83.3         | 4.3                 |
| 5.  | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.              | 1.8                | 14.6            | 83.6         | 4.3                 |
| 6.  | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                                         | 1.7                | 14.7            | 83.6         | 4.3                 |
| 7.  | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                                  | 1.8                | 14.6            | 83.6         | 4.3                 |
| 8.  | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                               | 1.6                | 15.3            | 83.1         | 4.3                 |
| 9.  | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                                  | 1.7                | 14.6            | 83.7         | 4.4                 |
| 10. | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 1.8                | 14.9            | 83.3         | 4.3                 |
| 11. | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 1.9                | 15.0            | 83.1         | 4.3                 |
| 12. | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 1.7                | 15.0            | 83.3         | 4.4                 |

| STT               | NỘI DUNG | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-------------------|----------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| <b>TRUNG BÌNH</b> |          | <b>1.8</b>         | <b>14.8</b>     | <b>83.4</b>  | <b>4.3</b>          |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 1.8%; Bình thường là 14.8%; Hài lòng là 83.4%. Điểm số hài lòng TB là 4.3.

**\* Ý kiến khác:** Có 7.9% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.

- GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn. Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.

- Trường nên tổ chức nhiều hoạt động thực tế ngoại khóa cho SV trải nghiệm.

### 7.7. Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                           | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| 1.  | SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).                                              | 2.6                | 11.5            | 85.9         | 4.4                 |
| 2.  | Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.                                                                                                                                        | 2.6                | 11.8            | 85.6         | 4.4                 |
| 3.  | Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.                                                                                                                                           | 2.2                | 12.4            | 85.4         | 4.4                 |
| 4.  | Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                       | 2.3                | 12.4            | 85.3         | 4.4                 |
| 5.  | Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. | 2.5                | 12.4            | 85.1         | 4.4                 |
| 6.  | GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.                                                            | 2.2                | 12.2            | 85.6         | 4.4                 |
| 7.  | GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.                                                                     | 2.3                | 12.4            | 85.3         | 4.4                 |
| 8.  | Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.                                                                                                                                  | 2.5                | 11.8            | 85.7         | 4.4                 |
| 9.  | GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).                                                     | 2.4                | 12.3            | 85.3         | 4.4                 |

| STT               | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                        | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| 10.               | Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.                                                                                                                                           | 2.4                | 11.9            | 85.7         | 4.4                 |
| 11.               | Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.                                                                                                                                                | 2.4                | 12.4            | 85.2         | 4.4                 |
| 12.               | Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần. | 2.5                | 11.9            | 85.6         | 4.4                 |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>2.4</b>         | <b>12.1</b>     | <b>85.5</b>  | <b>4.4</b>          |

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ số SV đánh giá không hài lòng TB là 2.4%; Bình thường là 12.1%; Hài lòng là 85.5%. Điểm số hài lòng TB là 4.4.

**\* Ý kiến khác:** Có 7.3% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- GV dạy các học phần chuyên ngành cần truyền đạt kiến thức cho SV kỹ hơn.
- Cần sửa chữa các phòng máy tính hiện đại để phục vụ việc giảng dạy, học tập và thực hành các học phần có lập trình cho SV ngành SP Toán, SP Hóa, CNTT.

#### 7.8. Tỷ lệ Mức độ hài lòng chung của Sinh viên các Khoa

Tỷ lệ Mức độ hài lòng chung của SV các Khoa đánh giá hoạt động giảng dạy của GV như sau:

| STT               | SV Khoa           | Không hài lòng (%) | Bình thường (%) | Hài lòng (%) | Điểm số hài lòng TB |
|-------------------|-------------------|--------------------|-----------------|--------------|---------------------|
| 1.                | Lý luận Chính trị | 1.9                | 8.9             | 89.2         | 4.4                 |
| 2.                | Sư phạm           | 2.4                | 10.5            | 87.1         | 4.3                 |
| 3.                | KHTN & CN         | 2.4                | 12.1            | 85.5         | 4.4                 |
| 4.                | Ngoại ngữ         | 1.8                | 14.8            | 83.4         | 4.3                 |
| 5.                | Y Dược            | 2.5                | 16.4            | 81.1         | 4.3                 |
| 6.                | Nông nghiệp       | 3.4                | 15.9            | 80.7         | 4.3                 |
| 7.                | Kinh tế           | 2.8                | 17.7            | 79.5         | 4.3                 |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                   | <b>2.5</b>         | <b>13.8</b>     | <b>83.8</b>  | <b>4.3</b>          |

#### 8. Nhận xét chung

Việc thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV là một kênh để biết được chất lượng giảng dạy của các Khoa, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong việc cung cấp các sản phẩm giáo dục-đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Những thông tin do người học cung cấp sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá thực trạng giảng dạy của GV các ngành, các Khoa, cũng như tính phù hợp của các học phần trong chương trình đào tạo của các ngành.

Đa số người học hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên các ngành, các Khoa trong Trường. Tỷ lệ SV đánh giá không hài lòng TB là 2.5%; Tỷ lệ đánh giá bình thường là 13.8%; Tỷ lệ SV đánh giá hài lòng TB đạt 83.8%; Điểm số hài lòng TB là 4.3.

Kết quả khảo sát là cơ sở dữ liệu quan trọng để Trường điều chỉnh việc giảng dạy của GV các Khoa, cập nhật chương trình đào tạo, cập nhật các hình thức kiểm tra đánh giá người học phù hợp, đầu tư CSVC hiện đại. Qua đây, Trường có số liệu phục vụ công tác BĐCLGD, công khai kết quả tới người học, người dạy và các bên liên quan; là minh chứng để phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

## 9. Kiến nghị

- Các Khoa cần rà soát hoạt động giảng dạy của GV, cải tiến các hoạt động dựa theo góp ý của người học để công tác giảng dạy và học tập ngày càng được nâng cao chất lượng.

- Trường cần đầu tư thêm nhiều tài liệu học tập và nâng cấp CSVC phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Khoa, các đơn vị (để biết và cải tiến chất lượng);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỜNG PHÒNG 

  
THS. Huỳnh Văn Quốc